

PHẦN 5- CHÍNH SÁCH HỌC PHÍ NĂM 2020

A. Học phí các chương trình đào tạo tại Đại học Tôn Đức Thắng

2. Học phí chương trình chất lượng cao

2.1. Học phí

a. Học phí:

- Học phí chương trình Chất lượng cao khóa tuyển sinh năm 2020 được xác định theo lộ trình đào tạo trong 4 năm học (phụ lục 2.1); đối với các ngành đào tạo cấp bằng kỹ sư, học phí của năm thứ năm (học kỳ thứ 9) sẽ được cập nhật và thông báo sau khi Bộ GD&ĐT ban hành quy định về chuẩn chương trình đào tạo đối với các trình độ của giáo dục đại học; mức học phí này không bao gồm học phí Kỹ năng Tiếng Anh .

- Mức học phí **tạm thu** (chưa tính học phí Tiếng Anh) khi sinh viên nhập học năm 2020 như sau:

+ Ngành: Kế toán, Tài chính ngân hàng, Luật, Việt Nam học (Du lịch và Quản lý du lịch): **16.500.000** đồng.

+ Ngành Công nghệ sinh học, Kỹ thuật xây dựng, Kỹ thuật điện, Kỹ thuật điện tử - viễn thông, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Kỹ thuật phần mềm, Khoa học máy tính, Thiết kế đồ họa: **17.000.000** đồng.

+ Ngành Ngôn ngữ Anh, Marketing, Kinh doanh quốc tế, Quản trị kinh doanh: **20.000.000** đồng.

- Mức **tạm thu** học phí Tiếng Anh: **7.000.000** đồng (không tạm thu học phí tiếng Anh đối với ngành ngôn ngữ Anh)

b. Kế hoạch thu học phí:

- Sinh viên đóng học phí theo từng học kỳ và có nghĩa vụ đóng học phí theo thông báo của Phòng Tài chính

- Thu học phí nhập học: theo thời gian làm thủ tục nhập học (tháng 9-10/2020)

- Sinh viên đổi Biên lai học phí theo thông báo của Phòng Tài chính.

2.2. Các môn kỹ năng Tiếng Anh, Tin học:

a. Về Tiếng Anh:

Sinh viên nhập học tham gia kiểm tra trình độ tiếng Anh đầu khóa theo đề thi 4 kỹ năng Nghe, Đọc, Viết, Nói (kỹ năng Nghe – Đọc được kiểm tra theo đề Cambridge English Placement Test)

- Trường hợp đạt trình độ Tiếng Anh ở các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo hoặc nộp Chứng chỉ quốc tế còn giá trị thời hạn, sẽ *được miễn học và không đóng tiền cho học phần được miễn*.

- Trường hợp chưa đạt các cấp độ theo quy định trong khung chương trình đào tạo, sinh viên phải học bổ sung các học phần Tiếng Anh dự bị và *nộp riêng học phí cho học phần Tiếng Anh dự bị này* (ngoài khung chương trình đào tạo).

b. Về Tin học:

Sinh viên đã có Chứng chỉ MOS (Microsoft Office Specialist) quốc tế đạt 750 điểm sẽ *được miễn học và không đóng tiền cho học phần Tin học tương ứng*.

PHỤ LỤC 2.1
HỌC PHÍ THEO LỘ TRÌNH ĐÀO TẠO
CHƯƠNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO TUYỂN SINH NĂM 2020

ĐVT: đồng

STT	Ngành	Học phí năm 1	Học phí năm 2	Học phí năm 3	Học phí năm 4
1	Kế toán	32,670,000	38,115,000	41,836,000	41,836,000
2	Tài chính - Ngân hàng	32,670,000	38,115,000	41,836,000	41,836,000
3	Luật	32,670,000	38,115,000	41,836,000	41,836,000
4	Việt Nam học – CN Du lịch và Quản lý du lịch	33,120,000	38,640,000	42,412,000	42,412,000
5	Công nghệ sinh học	33,570,000	39,165,000	42,988,000	42,988,000
6	Kỹ thuật xây dựng	33,570,000	39,165,000	42,988,000	42,988,000
7	Kỹ thuật điện	34,020,000	39,690,000	43,565,000	43,565,000
8	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	34,020,000	39,690,000	43,565,000	43,565,000
9	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	34,020,000	39,690,000	43,565,000	43,565,000
10	Kỹ thuật phần mềm	34,020,000	39,690,000	43,565,000	43,565,000
11	Khoa học máy tính	34,470,000	40,215,000	44,141,000	44,141,000
12	Ngôn ngữ Anh	40,320,000	47,040,000	51,632,000	51,632,000
13	Marketing	40,500,000	47,250,000	51,863,000	51,863,000
14	Kinh doanh quốc tế	40,500,000	47,250,000	51,863,000	51,863,000
15	Quản trị kinh doanh -CN Quản trị Nhà hàng Khách sạn	40,590,000	47,355,000	51,978,000	51,978,000
16	Quản trị kinh doanh - CN Quản trị nguồn nhân lực	40,500,000	47,250,000	51,863,000	51,863,000
17	Thiết kế đồ họa	34,200,000	39,900,000	43,795,000	43,795,000

(Học phí ở bảng phụ lục 2.1 chưa tính học phí chương trình tiếng Anh; đối với các ngành kỹ thuật cấp bằng kỹ sư học phí học kì 9 được xác định tùy theo CTDT từng ngành)